

Số: 22/QĐ-BQLKKT

Quảng Ninh, ngày 27 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu du lịch sinh thái Sông Đà - Ngọc Vũng, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh.

TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; các Thông tư hướng dẫn thực hiện và Quy chuẩn, Quy phạm và Tiêu chuẩn xây dựng hiện hành;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý Khu công nghiệp và Khu kinh tế;

Căn cứ Quyết định số 80/QĐ-TTg ngày 11/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 266/QĐ-TTg ngày 17/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế Vân Đồn tỉnh Quảng Ninh đến năm 2040;

Căn cứ Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 16/02/2022 của UBND tỉnh phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu vực đảo Ngọc Vũng, Khu kinh tế Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 19/2025/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh;

Căn cứ Văn bản số 5958/UBND-QH2 ngày 22/11/2022 của UBND tỉnh về việc nghiên cứu lập, trình duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 dự án Khu du lịch sinh thái Sông Đà - Ngọc Vũng, huyện Vân Đồn;

Căn cứ Quyết định số 119/QĐ-BQLKKT ngày 06/11/2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh về việc phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chi tiết

xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu du lịch sinh thái Sông Đà - Ngọc Vũng, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ các văn bản tham gia ý kiến: Sở Xây dựng (Văn bản số 710/SXD-QH ngày 28/02/2024); Sở Tài nguyên và Môi trường (Văn bản số 1148/TNMT-QHKH ngày 01/3/2024); Sở Giao thông vận tải (Văn bản số 889/SGTVT-KHTC ngày 22/02/2024); Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Văn bản số 956/SNT&PTNT-QLXDCT ngày 27/02/2024); Sở Công Thương (Văn bản số 448/SCT-QLNT ngày 22/02/2024); Sở Văn hóa và Thể thao (Văn bản số 21/02/2024); Sở Du lịch (Văn bản số 273/SDL-KHPT ngày 23/02/2024); Văn bản tham gia ý kiến của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Bộ Chỉ huy bộ đội biên phòng tỉnh (Văn bản số 654/BCH-TM ngày 21/02/2025); Lữ đoàn 242 (Văn bản số 570/CV-LĐ ngày 23/02/2024); Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh (Văn bản số 818/PCCC ngày 15/02/2024); UBND huyện Vân Đồn (Văn bản số 594/UBND-KTHT ngày 01/3/2024); Bộ Quốc phòng (Văn bản số 1237/BQP-TM ngày 14/3/2025); Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Văn bản số 1688/BVHTTDL-KHTC ngày 18/4/2025) và Văn bản số 160/SJG-TKKT ngày 09/5/2025 của Công ty Cổ phần SJ Group về việc tiếp thu, giải trình ý kiến của các bộ, sở, ngành về Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu du lịch sinh thái Sông Đà - Ngọc Vũng, huyện Vân Đồn;

Xét đề nghị của Công ty Cổ phần SJ Group (trước là Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Sông Đà) tại Tờ trình số 189/TTr-SJG-TKKT ngày 05/6/2025 về việc thẩm định, phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu du lịch sinh thái Sông Đà - Ngọc Vũng, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh kèm theo Đồ án điều chỉnh quy hoạch được UBND huyện Vân Đồn thỏa thuận; Hội đồng thẩm định Quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh thẩm định tại Thông báo số 42/TB-HĐTĐ ngày 20/6/2025; Phòng Quản lý Quy hoạch và Xây dựng - Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh thẩm định tại Báo cáo thẩm định số 271/BC-QHXD ngày 23/6/2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu du lịch sinh thái Sông Đà - Ngọc Vũng, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh với các nội dung chính như sau:

1. Vị trí, phạm vi ranh giới và quy mô điều chỉnh quy hoạch:

1.1. Vị trí, phạm vi ranh giới:

- Khu vực nghiên cứu lập quy hoạch có vị trí thuộc địa giới hành chính xã Ngọc Vũng, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh.

- Ranh giới nghiên cứu quy hoạch chi tiết được giới hạn bởi các điểm mốc khép kín: 1, 2, 3, ..., 47, 48, 49, 1 (chi tiết theo Bản đồ Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất). Phía Nam giáp bãi biển Trường Chinh; phía Bắc, phía Đông, phía

Tây giáp đất lâm nghiệp, đất nông nghiệp. Theo Đồ án điều chỉnh Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu vực đảo Ngọc Vũng (được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 16/02/2022), phạm vi nghiên cứu quy hoạch gồm các lô đất ký hiệu CX09C, DLND2E, CX9B, QS14, một phần các lô đất CX9A, DLND2A, DLND2B, DLND2D và đất giao thông.

1.2. Quy mô:

- Quy mô diện tích: 131.516,1m² (khoảng 13,15ha).
- Quy mô dân số (dân số quy đổi): 1.074 người.

2. Lý do điều chỉnh:

Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu du lịch sinh thái Sông Đà - Ngọc Vũng, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh để đảm bảo phù hợp với định hướng Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Đồn (được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 266/QĐ-TTg ngày 17/02/2020) và Điều chỉnh Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu vực đảo Ngọc Vũng, Khu kinh tế Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh (được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 16/02/2022).

3. Tính chất, mục tiêu:

3.1. Tính chất: Là khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp với các công trình lưu trú, nghỉ dưỡng, nhà hàng, khu chăm sóc sức khỏe, khu vui chơi giải trí và các tiện ích khác; phục vụ nhu cầu cho khách du lịch và nhân dân trong khu vực.

3.2. Mục tiêu:

- Cụ thể hóa đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Đồn đến năm 2040; Điều chỉnh Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu vực đảo Ngọc Vũng được duyệt.

- Đầu tư xây dựng khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp góp phần xây dựng đảo Ngọc Vũng trở thành trung tâm du lịch lớn, chất lượng cao. Đáp ứng nhu cầu đa dạng về du lịch, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí cho du khách trong và ngoài nước.

- Làm cơ sở pháp lý cho việc quản lý sử dụng đất đai, quản lý xây dựng theo quy hoạch, lập dự án đầu tư...

4. Nội dung sau điều chỉnh:

4.1. Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất:

- Khu đất lập điều chỉnh quy hoạch có chức năng sử dụng đất phù hợp với định hướng Quy hoạch phân khu, tính toán đảm bảo khớp nối đồng bộ với tuyến đường quy hoạch, tuân thủ các chỉ tiêu về mật độ xây dựng, tầng cao, hệ số sử dụng đất của lô đất ký hiệu CX09C, DLND2E, CX9B, QS14, CX9A, DLND2A, DLND2B, DLND2D trong Quy hoạch phân khu được duyệt. Cơ cấu sử dụng đất gồm các khu chức năng sau: Đất du lịch (khách sạn lưu trú, nghỉ dưỡng, nhà hàng, khu chăm sóc sức khỏe, khu vui chơi giải trí và các tiện ích khác,..); đất cây xanh, mặt nước; đất quốc phòng; đất hạ tầng kỹ thuật; đất giao thông; đất bãi đỗ xe.

- Bảng cơ cấu sử dụng đất sau điều chỉnh:

Stt	Chức năng sử dụng đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất du lịch	56.877,0	43,25
1.1	Đất dịch vụ thương mại phục vụ du lịch (nhà điều hành, nhà hàng, cầu lắc bộ, bể bơi,...)	8.523,8	6,48
1.2	Đất dịch vụ du lịch, khách sạn	13.892,1	10,56
1.3	Đất du lịch nghỉ dưỡng	34.461,1	26,20
2	Đất cây xanh	37.099,2	28,21
2.1	Đất cây xanh sử dụng công cộng	6.359,7	4,84
2.2	Đất cây xanh cảnh quan	30.739,5	23,37
3	Đất quốc phòng	1.522,9	1,16
4	Đất hạ tầng kỹ thuật	534,0	0,41
5	Đất bãi đỗ xe	1.251,3	0,95
6	Đất giao thông	34.231,7	26,03
Tổng cộng		131.516,1	100,0

- Bảng danh mục sử dụng đất sau điều chỉnh:

Stt	Chức năng sử dụng đất	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Mật độ xây dựng tối đa (%)	Tầng cao tối đa (tầng)	Hệ số sử dụng đất tối đa (lần)	Số căn, phòng
1	Đất du lịch		56.877,0				312
1.1	Đất dịch vụ thương mại phục vụ du lịch (nhà điều hành, nhà hàng, cầu lắc bộ, bể bơi,...)	DVDL	8.523,8				
-	Đất dịch vụ thương mại phục vụ du lịch 01	DVDL.01	7.355,4	40	1	0,4	
-	Đất dịch vụ thương mại phục vụ du lịch 02	DVDL.02	1.168,4	40	3	1,2	
1.2	Đất dịch vụ du lịch, khách sạn	DLKS	13.892,1	40	3	1,2	181
-	Đất dịch vụ du lịch, khách sạn 01	DLKS.01	11.888,8	40	3	1,2	150
-	Đất dịch vụ du lịch, khách sạn 02	DLKS.02	2.003,3	40	3	1,2	31

Stt	Chức năng sử dụng đất	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Mật độ xây dựng tối đa (%)	Tầng cao tối đa (tầng)	Hệ số sử dụng đất tối đa (lần)	Số căn, phòng
1.3	Đất du lịch nghỉ dưỡng	DLND	34.461,1				131
-	Đất du lịch nghỉ dưỡng 01	DLND.01	2.618,6	50	1	0,5	9
-	Đất du lịch nghỉ dưỡng 02A	DLND.02A	3.175,9	50	1	0,5	11
-	Đất du lịch nghỉ dưỡng 02B	DLND.02B	2.930,9	50	1	0,5	10
-	Đất du lịch nghỉ dưỡng 03A	DLND.03A	1.347,3	50	1	0,5	4
-	Đất du lịch nghỉ dưỡng 03B	DLND.03B	1.198,4	50	1	0,5	3
-	Đất du lịch nghỉ dưỡng 04	DLND.04	1.412,3	50	3	1,5	7
-	Đất du lịch nghỉ dưỡng 05	DLND.05	1.280,0	50	3	1,5	8
-	Đất du lịch nghỉ dưỡng 06	DLND.06	3.702,9	50	3	1,5	20
-	Đất du lịch nghỉ dưỡng 07	DLND.07	1.602,6	50	3	1,5	10
-	Đất du lịch nghỉ dưỡng 08	DLND.08	969,6	50	3	1,5	4
-	Đất du lịch nghỉ dưỡng 09	DLND.09	2.471,3	50	3	1,5	14
-	Đất du lịch nghỉ dưỡng 10	DLND.10	4.551,3	40	3	1,2	12
-	Đất du lịch nghỉ dưỡng 11	DLND.11	3.449,9	40	3	1,2	9
-	Đất du lịch nghỉ dưỡng 12	DLND.12	3.750,1	40	3	1,2	10
2	Đất cây xanh		37.099,2				
2.1	Đất cây xanh sử dụng công cộng	CX	6.359,7	5	1	0,05	
-	Đất cây xanh sử dụng công cộng 01	CX.01	3.873,8	5	1	0,05	
-	Đất cây xanh sử dụng công cộng 02	CX.02	975,8	5	1	0,05	
-	Đất cây xanh sử dụng công cộng 03	CX.03	1.510,1	5	1	0,05	



Stt	Chức năng sử dụng đất	Ký hiệu	Diện tích (m2)	Mật độ xây dựng tối đa (%)	Tầng cao tối đa (tầng)	Hệ số sử dụng đất tối đa (lần)	Số căn, phòng
2.2	Đất cây xanh cảnh quan	CXCQ	30.739,5				
-	Đất cây xanh cảnh quan 01	CXCQ.01	1.672,4	5	1	0,05	
-	Đất cây xanh cảnh quan 02	CXCQ.02	2.621,6	5	1	0,05	
-	Đất cây xanh cảnh quan 03	CXCQ.03	2.879,4	5	1	0,05	
-	Đất cây xanh cảnh quan 04	CXCQ.04	3.161,7	5	1	0,05	
-	Đất cây xanh cảnh quan 05	CXCQ.05	928,6	5	1	0,05	
-	Đất cây xanh cảnh quan 06	CXCQ.06	809,2	5	1	0,05	
-	Đất cây xanh cảnh quan 07	CXCQ.07	691,8	5	1	0,05	
-	Đất cây xanh cảnh quan 08	CXCQ.08	766,4	5	1	0,05	
-	Đất cây xanh cảnh quan 09	CXCQ.09	2.024,7	5	1	0,05	
-	Đất cây xanh cảnh quan 10	CXCQ.10	4.158,8	5	1	0,05	
-	Đất cây xanh cảnh quan 11	CXCQ.11	2.706,7	5	1	0,05	
-	Đất cây xanh cảnh quan 12	CXCQ.12	2.298,9	5	1	0,05	
-	Đất cây xanh cảnh quan 13	CXCQ.13	1.990,1	5	1	0,05	
-	Đất cây xanh cảnh quan 14	CXCQ.14	4.029,2	5	1	0,05	
3	Đất quốc phòng	QS	1.522,9				
4	Đất hạ tầng kỹ thuật (trạm xử lý nước thải)	HTKT	534,0	40	1	0,4	
5	Đất bãi đỗ xe	BDX	1.251,3	5	1	0,05	
6	Đất giao thông		34.231,7				
Tổng cộng			131.516,1	20,7			312

* Ghi chú: Quy mô diện tích sàn của các công trình, hạng mục công trình sẽ được xem xét cụ thể tại giai đoạn lập dự án và phương án thiết kế công trình, đảm bảo tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn về thiết kế, phòng cháy chữa cháy.

4.2. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan:

- Tuân thủ định hướng phát triển không gian của đồ án Quy hoạch phân khu; đảm bảo sự kết nối đồng bộ và liên tục về hạ tầng, kiến trúc cảnh quan đối với các khu vực lân cận; lựa chọn hình thức kiến trúc phù hợp với tính chất kiến trúc của từng khu chức năng.

- Tổ chức các khu chức năng phù hợp với tính chất là khu dịch vụ và nghỉ dưỡng cao cấp. Các khu chức năng được bố trí đảm bảo tận dụng được địa hình tự nhiên, các công trình gần mặt biển được quy hoạch 01 tầng xen lẫn với các dải cây xanh cảnh quan.

- Thiết kế tuyến đường đi bộ dọc theo bãi cát Trường Chinh, hạn chế giao cắt giữa các khu nghỉ với không gian biển, gắn kết chặt chẽ không gian nghỉ dưỡng với bãi tắm, môi trường biển. Ưu tiên sử dụng các vật liệu địa phương và hình thức kiến trúc truyền thống.

4.3. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật

a) Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật

- Quy hoạch san nền: Tôn tạo nền xây dựng phù hợp với khu vực hiện trạng và không ngập úng, đảm bảo thoát nước tự chảy, chiều cao nền tối thiểu là 4,5m.

- Thoát nước mưa: Nước mưa được thu gom về các hố ga, tuyến ống thoát nước dọc theo các trục giao thông xung quanh để thu nước mưa từ các lô đất theo tuyến đường ống thoát nước chung dẫn ra biển.

b) Quy hoạch giao thông:

- Giao thông đối ngoại: Dự án có 03 tuyến đường giao thông kết nối với giao thông khu vực theo Quy hoạch phân khu được duyệt, bao gồm: Tuyến đường mặt cắt 1-1 rộng 17m (lòng đường 11m, vỉa hè $2 \times 3 = 6\text{m}$); tuyến đường mặt cắt 2-2 rộng 13,5m (lòng đường 7,5m, vỉa hè $2 \times 3 = 6\text{m}$); tuyến đường mặt cắt 3-3 rộng 13m (lòng đường 7m, vỉa hè $2 \times 3 = 6\text{m}$).

- Giao thông đối nội: Bố trí đường giao thông nội bộ có chiều rộng lòng đường $3,5 \div 7,0\text{m}$, vỉa hè $2 \times 1,5\text{m}$ và $2 \times 1\text{m}$, kết nối mở với tuyến đường xung quanh khu vực (không có tường rào); hệ thống giao thông nội bộ và sân đường được thiết kế cụ thể ở các bước tiếp theo.

- Bãi đỗ xe: Xây mới 01 bãi đỗ xe tập trung tại khu đất gần các trục đường đối ngoại tạo sự thuận lợi và tiếp cận nhanh tới các khu chức năng với tổng diện tích là $1.251,3\text{m}^2$.

- c) Quy hoạch cấp nước: Nhu cầu sử dụng nước khu vực quy hoạch là khoảng $500\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$; nguồn nước được lấy từ trạm cấp nước hồ Cầu Lầu. Mạng lưới cấp nước sinh hoạt và phòng cháy chữa cháy được thiết kế riêng để phục vụ cho các khu chức năng. Đường ống cấp nước và đường ống cấp nước

chữa cháy sử dụng ống HDPE, bố trí các họng cứu hỏa tại các ngã ba, ngã tư và gần công trình tạo điều kiện thuận lợi cho xe cứu hỏa tiếp cận.

d) Quy hoạch cung cấp năng lượng và chiếu sáng: Nhu cầu cấp điện khu vực quy hoạch khoảng 1.887kVA. Nguồn điện được lấy từ lưới điện trung thế 22kV hiện có của khu vực vào 02 trạm biến áp xây mới (công suất 1.000kVA/01 trạm); từ tủ điện phân phối hạ thế tổng của trạm biến áp đi các đường trục cấp ngầm hạ áp cấp điện đến các công trình và hệ thống chiếu sáng. Hệ thống cấp điện được thiết kế chi tiết ở các bước tiếp theo.

đ) Quy hoạch thoát nước thải và chất thải rắn:

- Xây mới 01 trạm xử lý nước thải với công suất khoảng 250 m³/ngày.đêm đặt tại khu đất hạ tầng kỹ thuật của khu vực quy hoạch.

- Hệ thống thoát nước thải được thiết kế riêng theo nguyên lý tự chảy; nước thải sinh hoạt của từng công trình trong các lô đất sau khi được xử lý sơ bộ bằng các bể tự hoại, được thu gom vào các tuyến cống nhánh, cống chính dẫn về trạm xử lý nước thải. Nước thải sau xử lý đạt mức quy định mới được dẫn ra hệ thống cống thoát nước chung của khu vực.

- Chất thải rắn được thu gom tại các thùng rác bố trí trên vỉa hè, khu vực sân bãi tại các vị trí thuận tiện, đảm bảo vệ sinh môi trường; tất cả rác thải sẽ được tập kết theo quy định và chuyển đến khu xử lý rác thải tập trung của khu vực.

e) Thông tin liên lạc: Lắp đặt mới các trạm BTS và các tủ cáp đảm bảo việc đấu nối, cung cấp tín hiệu thông tin liên lạc cho từng khu vực. Số lượng, vị trí trạm BTS, tủ cáp, dung lượng thuê bao, tuyến cáp sẽ được xác định cụ thể ở các bước tiếp theo.

4.4. Đánh giá môi trường chiến lược: Dự án trong khu vực quy hoạch phải tuân thủ quy hoạch được duyệt và các quy định hiện hành của Nhà nước về bảo vệ môi trường, phải có biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong quá trình thi công xây dựng.

4.5. Quản lý quy hoạch xây dựng:

- Các thông số, chỉ tiêu sử dụng đất của đồ án quy hoạch xác định theo Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng và phương án kiến trúc và nội dung Quyết định này.

- Trong giai đoạn triển khai thực hiện dự án phải tuân thủ các quy định về chỉ tiêu kiến trúc quy hoạch như: Quy mô công trình, tầng cao công trình, chỉ giới xây dựng... Trường hợp khi lập dự án cần thiết xin điều chỉnh chỉ tiêu kiến trúc quy hoạch thì phải được cơ quan có thẩm quyền quyết định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Công ty Cổ phần SJ Group có trách nhiệm công bố, công khai quy hoạch; phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh, UBND huyện Vân Đồn (Đặc khu Vân Đồn sau ngày 01/7/2025) triển khai thực hiện các thủ tục tiếp theo đảm bảo theo quy định.

- Đề nghị UBND huyện Vân Đồn phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế

Quảng Ninh, các sở ngành liên quan trong công tác quản lý nhà nước về quy hoạch, đất đai, đầu tư, xây dựng, quản lý lưu trữ hồ sơ quy hoạch; hướng dẫn Công ty Cổ phần SJ Group thực hiện công bố, công khai điều chỉnh quy hoạch; quản lý giám sát việc xây dựng công trình đảm bảo phù hợp với quy hoạch được duyệt.

- Đề nghị các sở, ban, ngành phối hợp thực hiện công tác quản lý nhà nước theo chức năng nhiệm vụ, quyền hạn đối với đồ án điều chỉnh quy hoạch theo Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2329/QĐ-BQLKKT ngày 12/7/2004 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/1000) Khu du lịch sinh thái Sông Đà - Ngọc Vũng tại xã đảo Ngọc Vũng, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh.

Điều 4. Các Ông (bà): Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng: Quản lý Quy hoạch và Xây dựng, Quản lý Đầu tư, Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Kiểm tra và Giám sát hoạt động đầu tư thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh; Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần SJ Group và Thủ trưởng các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định thi hành. /

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Các Sở: XD, TNMT (ph/h);
- UBND huyện Vân Đồn (ph/h);
- Các đ/c Lãnh đạo Ban;
- Như điều 4 (thực hiện);
- Lưu: VT, QH XD.

TRƯỞNG BAN



Phạm Xuân Đài

